

HẠNH PHÚC TÂM LÝ CỦA TRẺ EM CÓ CHA MẸ ĐI LÀM XA: VAI TRÒ CỦA NHẬN THỨC VỀ SỰ HỖ TRỢ XÃ HỘI

Trần Hà Thu

Nguyễn Văn Lược

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tiến hành khảo sát 439 trẻ em (độ tuổi trung bình là 12,6), có cha mẹ đang đi làm xa ở 4 tỉnh tại Việt Nam gồm: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Thái Bình và Nghệ An. Nhóm đối chứng là 348 trẻ ở cùng với cha mẹ tại các địa bàn này. Thang đo Hạnh phúc tâm lý - Psychological Well-Being Scale (CW-PWBS) và Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội - Multidimensional Scale of Perceived Social Support (MSPSS) là hai thang đo chính được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho biết mức độ hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa và trẻ em ở cùng với cha mẹ không có sự khác biệt. Sự khác biệt về hạnh phúc tâm lý được báo cáo trong các nhóm khác nhau về giới tính, độ tuổi của trẻ, thời gian cha mẹ rời xa và tần suất trẻ liên lạc với cha mẹ. Nhận thức của trẻ về sự trợ giúp xã hội có tương quan thuận đáng kể với hạnh phúc tâm lý và dự đoán được sự gia tăng mức độ hạnh phúc tâm lý ở các em, trong đó hỗ trợ từ gia đình có tác động mạnh nhất.

Từ khóa: Hạnh phúc tâm lý; Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội; Trẻ em có cha mẹ đi làm xa.

Ngày nhận bài: 31/7/2021; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2021.

1. Đặt vấn đề

Ở các nước đang phát triển, tình trạng người dân nói chung, các bậc cha mẹ nói riêng phải rời nông thôn ra thành thị hoặc sang một nước phát triển hơn để tìm kiếm việc làm đã trở thành một xu hướng. Xu hướng này thể hiện rõ ở nhiều nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á. Các báo cáo thống kê cho thấy, ở Việt Nam tỷ lệ người lao động di cư ra thành phố hoặc xuất khẩu lao động ngày càng tăng. Hiện nay, nước ta có khoảng gần 500.000 lao động xuất khẩu ra nước ngoài, khoảng gần 2 triệu người di cư từ nông thôn ra các thành phố kiếm việc làm (cả thời vụ và dài hạn). Năm 2018 có 142.860 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó có gần 50.300 lao động nữ (chiếm 34,8%), thị trường đông nhất là Nhật Bản

(68.737 người), tiếp đến là Đài Loan (60.369 người), Hàn Quốc (6.538 người), Ả rập - Xê út (1.920 người), Rumania (1.319 người), Malaysia (1.102 lao động), An-giê-ria (1.014 lao động) (Cục Lao động quản lý lao động nước ngoài, 2019). Việc cha mẹ di cư để đi làm có thể mang lại những tác động tích cực về kinh tế - xã hội, đặc biệt là hỗ trợ tài chính giúp duy trì điều kiện sống và học tập của trẻ em ở nhà (Vũ Ngọc Bình, 2012; Nicola Piper, 2012; Hoàng Bá Thịnh, 2012). Tuy nhiên, thực trạng này có thể ảnh hưởng đến đời sống tinh thần nói chung và hạnh phúc tâm lý nói riêng của trẻ em khi phải xa cha mẹ (Van Luot và cộng sự, 2017; 2018). Sự hỗ trợ xã hội (từ gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh) có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em (Su và cộng sự, 2017), tuy nhiên so với trẻ ở cùng cha mẹ thì các em nhận được ít nguồn hỗ trợ xã hội hơn (Luo và cộng sự, 2009). Do đó, nghiên cứu về hạnh phúc tâm lý và vai trò của nhận thức về sự hỗ trợ xã hội ở trẻ em có cha mẹ đi làm xa là cần thiết trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, nhằm tăng cường các nguồn hỗ trợ xã hội tích cực, từ đó nâng cao hạnh phúc tâm lý cho nhóm trẻ này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cha mẹ đi làm xa được hiểu là những người cha và người mẹ rời khỏi quê hương, nơi sinh sống của mình để đi làm ở tỉnh thành khác hoặc đến một quốc gia, lãnh thổ khác (Van Luot và cộng sự, 2018). Khái niệm trẻ em có cha mẹ đi làm xa có nguồn gốc từ khái niệm trẻ bị bỏ lại, được dịch từ thuật ngữ gốc tiếng Anh là “left-behind children”. Trong nghiên cứu này, trẻ em có cha mẹ đi làm xa được hiểu là những em nhỏ hơn 18 tuổi có cha hoặc mẹ (hoặc cả cha và mẹ) đi sang hẳn các thành phố hoặc quốc gia khác để làm việc từ 6 tháng trở lên (Graham và Jordan, 2011). Những trẻ em ở lại quê nhà được những người chăm sóc nuôi dưỡng, thường là ông bà, là cha (trường hợp mẹ đi làm xa) hoặc mẹ (trường hợp cha đi làm xa).

Hạnh phúc (well-being) chính là sự khỏe mạnh về tinh thần, thể hiện ở những cảm xúc tích cực và sự vận hành tốt các chức năng tâm lý, xã hội trong cuộc sống (Keyes, 2002). Hạnh phúc tâm lý (psychological well-being) là một thành tố thuộc về khái niệm hạnh phúc. Hạnh phúc tâm lý thể hiện ở sự chấp nhận, hài lòng với bản thân; mối quan hệ tích cực với những người khác; sự phát triển cá nhân; mục tiêu trong cuộc sống; làm chủ môi trường xung quanh; tự chủ. Người hạnh phúc về mặt tâm lý là người hài lòng với hầu hết những gì ở bản thân, có những mối quan hệ ấm áp và tin tưởng, tin bản thân mình sẽ phát triển thành người tốt hơn, có định hướng trong cuộc sống, có thể làm chủ môi trường nhằm thỏa mãn nhu cầu và làm chủ những quyết định của bản thân (Ryff và Keyes, 1995).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trẻ em “bị bỏ lại” ở nông thôn do cha mẹ đi làm xa có điểm số về cảm nhận hạnh phúc thấp hơn so với nhóm trẻ ở cùng với cha mẹ (Graham và Jordan, 2011; Lu, 2011; Su và cộng sự, 2013; Ren và cộng sự, 2016). Graham và Jordan (2011) khảo sát 3.876 cha mẹ/người chăm sóc trẻ ở độ tuổi 3 - 12 tuổi ở 4 nước tại Đông Nam Á, gồm Indonesia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam đã chỉ ra rằng “Trẻ em có bố đi cư đi làm xa ở Indonesia và Thái Lan có cảm nhận về hạnh phúc thấp hơn so với những trẻ ở cùng với cha mẹ. Tuy nhiên, các bằng chứng tương tự như vậy không tìm thấy tại Việt Nam và Philippines” (Graham và Jordan, 2011, tr. 763). Các bằng chứng cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Su và cộng sự, “Trẻ em có cả cha và mẹ đi làm xa có điểm số về sự hài lòng với cuộc sống thấp nhất trong 3 nhóm trẻ được nghiên cứu gồm trẻ có cha hoặc mẹ đi làm xa, trẻ ở cùng với cha mẹ và trẻ có cả cha và mẹ đi làm xa” (Su và cộng sự, 2013, tr. 169). Nghiên cứu của Wen và cộng sự với 704 trẻ trong độ tuổi từ 8 đến 18 tuổi ở khu vực nông thôn (trẻ vắng cả cha lẫn mẹ; trẻ vắng cha/mẹ và trẻ ở cùng cha mẹ) tại 5 huyện của tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) chỉ ra rằng trẻ em có cha mẹ đi làm xa ít hài lòng với cuộc sống và học tập hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ, đặc biệt là nhóm trẻ có mẹ đi làm xa (Wen và cộng sự, 2012). Các kết quả tương tự cũng được báo cáo trong nghiên cứu của Zhou Jia và cộng sự (2018) khi khảo sát cảm nhận hạnh phúc của 1.656 trẻ, độ tuổi trung bình 15,8 trong đó 569 trẻ có cha mẹ đi làm xa với nhóm đối chứng là 1.087 trẻ ở cùng cha mẹ, chỉ ra rằng, trẻ có cha mẹ đi làm xa báo cáo điểm số về cảm nhận hạnh phúc, sự hài lòng với cuộc sống thấp hơn so với trẻ ở cùng cha mẹ (Jia và cộng sự, 2018).

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về đời sống tinh thần nói chung và hạnh phúc tâm lý nói riêng của trẻ em có cha mẹ đi làm xa còn ít. Những năm gần đây, đối tượng trẻ em này được một số nhà xã hội học, tâm lý học quan tâm hơn qua các nghiên cứu về cuộc sống của trẻ em ở lại thôn quê Việt Nam (Trần Thị Minh Thi, 2015); tâm trạng, sự hài lòng (Nguyễn Văn Lược, 2016), cảm nhận hạnh phúc (Graham và cộng sự, 2011; Van Luot và cộng sự, 2018); lòng tự trọng (Mai và cộng sự, 2019) và kỹ năng xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa (Giang Thị Thanh Mai và cộng sự, 2019). Nghiên cứu của nhóm tác giả Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm dựa trên kết quả khảo sát 2.088 người từ các hộ gia đình có người đi làm xa và không đi làm xa ở 2 tỉnh Thái Bình và Tiền Giang chỉ ra rằng, không chỉ bản thân người đi làm xa mà con cái họ cũng có cảm giác cô đơn, “*đề trở nên nóng giận hơn*” so với nhóm trẻ ở cùng cha mẹ (Lê Bạch Dương và cộng sự, 2011, tr. 51). Một nghiên cứu gần đây của tác giả Nguyễn Văn Lược và cộng sự trên 469 trẻ có cha mẹ đi làm xa và 650 trẻ ở cùng cha mẹ tại Phú Thọ, Bắc Ninh và Hà Nam của Việt Nam báo cáo trẻ em có cha mẹ đi làm xa có cảm nhận hạnh phúc thấp hơn (Van Luot và cộng sự, 2018), gặp nhiều khó khăn về sức khỏe tâm thần hơn trẻ em sống cùng cha mẹ

(Van Luot và Ba Dat, 2017). Tổng quan các nghiên cứu đi trước cho thấy, ảnh hưởng tiêu cực của việc cha mẹ đi làm xa đến sức khỏe tâm thần và hạnh phúc của trẻ em thấy rõ nhất ở châu Mỹ (Jamaica, Mexico, Peru) và Nam Á (Ấn Độ, Sri-Lanka). Mặc dù số người đi làm xa ở khu vực Đông Âu và Đông Nam Á ngày càng gia tăng nhưng tác động của tình trạng này đến trẻ em lại không hoàn toàn như nhau (Antia và cộng sự, 2020).

Hỗ trợ xã hội là một trong những yếu tố xã hội có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em, có liên quan đến hạnh phúc về tinh thần của trẻ em có cha mẹ đi làm xa (Su và cộng sự, 2017). Hỗ trợ xã hội được định nghĩa là sự trợ giúp hoặc cung cấp thông tin khiến cá nhân tin tưởng mình được yêu thương, chăm sóc, quý trọng và được chia sẻ trách nhiệm chung với các thành viên trong mạng lưới xã hội (Cobb, 1976; Cohen và Will, 1985). Hỗ trợ xã hội cũng được hiểu là sự trợ giúp về tinh thần và vật chất với mục đích giúp người nhận đối phó với căng thẳng (Cohen, 2004). Hỗ trợ xã hội có thể cải thiện hạnh phúc của các cá nhân (Shumaker và Brownell, 1984), nâng cao sự hài lòng trong cuộc sống (Zhou và Lin, 2016) và hạnh phúc tâm lý của trẻ em (Chu và cộng sự, 2010; Lin và cộng sự, 2010). Cohen và Wills (1985) cho rằng, hỗ trợ xã hội có liên quan đến hạnh phúc vì nó mang lại cảm xúc tích cực, cảm giác về giá trị bản thân và khả năng dự đoán trong cuộc sống; nó hoạt động như một bộ đệm giảm căng thẳng bằng cách củng cố lòng tự trọng, tính hiệu quả của bản thân và các hành vi giải quyết vấn đề (Cohen và Wills, 1985). So với trẻ em không phải rời xa cha mẹ, trẻ em có cha mẹ đi làm xa nhận được sự hỗ trợ xã hội thấp hơn, đặc biệt là hỗ trợ về cảm xúc (Luo và cộng sự, 2009).

Hỗ trợ xã hội bao gồm những hỗ trợ thực tế và nhận thức về sự hỗ trợ (Malecki và Demaray, 2003). Nhận thức về hỗ trợ xã hội nhiều khi còn quan trọng hơn sự hỗ trợ thực tế đối với sức khỏe cá nhân (Chen và Li, 2007). Nhiều tác giả khi nghiên cứu về hỗ trợ xã hội lại bỏ quên yếu tố cảm xúc bên trong của đối tượng, sự nhận thức, hiểu biết và chấp nhận những nguồn ủng hộ đó (Xiao, 2005). Việc nhận được sự hỗ trợ thực tế từ người khác đôi khi làm giảm sự tự trọng của cá nhân, họ có thể nhận được những sự hỗ trợ mà họ không thực sự cần hoặc sự hỗ trợ đó có thể là sự xâm phạm. Điều đó lại gây căng thẳng cho người được nhận sự hỗ trợ (Taylor và cộng sự, 2004). Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội được đánh giá là yếu tố có liên quan mạnh mẽ nhất đến hạnh phúc của cá nhân (Chu và cộng sự, 2010).

Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội có thể cải thiện hạnh phúc về tinh thần của trẻ em có cha mẹ đi làm xa (Lakey và Orehek, 2011; Stewart và Suldo, 2011). Qua những phân tích so sánh mức độ hỗ trợ xã hội và mức độ hạnh phúc tâm lý của 401 trẻ em có cha mẹ đi làm xa, nghiên cứu cho kết quả nhận thức về sự hỗ trợ xã hội có tương quan thuận với hạnh phúc tâm lý (Xing và

cộng sự, 2017). Danielsen và cộng sự (2009) nhận thấy sự hỗ trợ xã hội từ cha mẹ và nhóm bạn bè cùng trang lứa có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng trong cuộc sống và hạnh phúc tâm lý của trẻ em ở các độ tuổi khác nhau. Giáo viên có thể cải thiện cảm nhận hạnh phúc của học sinh bằng những hỗ trợ về thông tin giá trị và hỗ trợ về mặt cảm xúc (dẫn theo Kim và Kim, 2013). Như vậy, có thể thấy nhận thức về sự hỗ trợ xã hội có ảnh hưởng tích cực đến hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu ở nước ngoài.

Vấn đề hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa đã được nghiên cứu khá nhiều trên thế giới nhưng ở Việt Nam có rất ít nghiên cứu về tác động của tình trạng cha mẹ đi làm xa đến hạnh phúc tâm lý của trẻ em cũng như chưa có nghiên cứu nào khám phá mối liên hệ giữa hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội ở các em. Do đó, nghiên cứu này được tiến hành nhằm: (1) mô tả thực trạng hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa, (2) so sánh thực trạng hạnh phúc tâm lý trong các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa và (3) xác định mối liên hệ giữa hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính của nghiên cứu là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Nhóm nghiên cứu đã trưng cầu ý kiến của 439 trẻ (độ tuổi trung bình là 12,6; độ lệch chuẩn là 1,6) có cha mẹ đang đi làm xa (ở địa phương khác hoặc ở nước ngoài) tại 4 tỉnh thuộc Việt Nam gồm: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Thái Bình và Nghệ An. Nhóm đối chứng là 348 trẻ ở cùng với cha mẹ tại địa bàn trên. Bảng hỏi được thiết kế gồm thang đo Hạnh phúc tâm lý, thang đo Nhận thức về sự trợ giúp xã hội, các câu hỏi liên quan đến đặc điểm nhân khẩu của trẻ.

Thang đo Hạnh phúc tâm lý - Psychological Well-Being Scale (CW-PWBS) được sử dụng để đo lường cảm nhận hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa. Thang đo dựa trên quan điểm của Ryff (1989), hạnh phúc tâm lý biểu hiện ở 6 nội dung: 1/ chấp nhận bản thân, 2/ có mối quan hệ tích cực với người khác, 3/ tự chủ, 4/ làm chủ môi trường, 5/ có mục đích trong cuộc sống và 6/ phát triển cá nhân. Thang đo gồm 6 mệnh đề (item) được tính điểm theo thang Likert 10 mức độ từ điểm 0- Không đồng ý chút nào đến điểm 10- Hoàn toàn đồng ý. Điểm số càng cao báo cáo trẻ có hạnh phúc tâm lý càng cao và ngược lại. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo Alpha của Cronbach cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan tổng biến phù hợp ($\geq 0,3$). Hệ số Alpha của Cronbach = 0,704 ($\geq 0,6$) nên đạt yêu cầu về độ tin cậy (dẫn theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Thang đo Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội - Multidimensional Scale of Perceived Social Support (MSPSS) của các tác giả Zimet, Dahlem, Zimet và Farley (1988). Thang đo gồm 12 item đo lường 3 chiều cạnh: hỗ trợ từ gia đình, hỗ trợ từ bạn bè và hỗ trợ từ một người quan trọng khác. Người quan trọng ở đây không phải người trong gia đình hoặc bạn bè của các em. Đó có thể là thầy/cô giáo hoặc một người cụ thể khác trong cộng đồng. Mỗi chiều cạnh gồm 4 item. Thang đo được tính điểm theo thang Likert 7 mức độ từ điểm 1- Hoàn toàn không đúng đến điểm 7- Hoàn toàn đúng. Điểm số càng cao cho biết trẻ đánh giá về các nguồn hỗ trợ xã hội mà mình nhận được càng lớn và ngược lại. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo Alpha của Cronbach cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan tổng biến phù hợp (≥ 0.3). Hệ số Alpha của Cronbach = 0,867 ($\geq 0,6$) nên đạt yêu cầu về độ tin cậy (dẫn theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu gồm: giới tính, tuổi của trẻ, thời gian cha/mẹ đi làm xa, tần suất liên lạc của cha mẹ với trẻ, tần suất về thăm nhà của cha mẹ...

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Thực trạng hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa

4.1.2. Mức độ hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa

Bảng 1: Biểu hiện hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa (N = 439)

STT	Biểu hiện	M	SD
1	Em thích bản thân mình như hiện tại.	6,99	3,18
2	Em quản lý tốt những nhiệm vụ hàng ngày của em.	7,36	2,77
3	Mọi người nhìn chung thân thiện với em.	7,79	2,65
4	Em biết cách sử dụng thời gian của mình như thế nào cho hợp lý.	7,05	2,75
5	Em cảm thấy em học được nhiều điều trong thời gian này.	7,82	2,47
6	Em cảm thấy lạc quan về tương lai của em.	6,78	3,24
Tổng		7,3	1,81

Ghi chú: M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Nhìn chung, trẻ đạt 7,3 điểm trên thang điểm 10 khi tự báo cáo về cảm nhận hạnh phúc tâm lý nói chung của bản thân. Cụ thể, biểu hiện liên quan đến mục tiêu của cá nhân trong cuộc sống - “Em cảm thấy em học được nhiều điều trong thời gian này” có mức điểm cao nhất (M = 7.82; SD = 2.47). Biểu hiện liên quan đến sự phát triển của cá nhân trong tương lai - “Em cảm thấy lạc

quan về tương lai của em” có mức điểm thấp nhất trong toàn thang đo ($M = 6.78$; $SD = 3.24$).

So sánh kết quả trên với 348 trẻ hiện đang ở cùng với cha mẹ trong nghiên cứu này, chúng tôi không nhận thấy có sự khác biệt về mức độ hạnh phúc tâm lý ở hai nhóm trẻ ($p > 0.05$). Kết quả này khác biệt với nhiều nghiên cứu đi trước khi hầu hết các nghiên cứu đều chứng minh cảm nhận hạnh phúc tâm lý của trẻ có cha mẹ đi làm ăn thấp hơn trẻ ở cùng cha mẹ (Graham và Jordan, 2011; Lu, 2011; Su và cộng sự, 2013; Ren và cộng sự, 2016). Tại Việt Nam, trong nghiên cứu vào năm 2018 trên 469 trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở các tỉnh Phú Thọ, Bắc Ninh và Hà Nam, tác giả Nguyễn Văn Lược và cộng sự đã báo cáo mức độ hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa thấp hơn so với trẻ em ở cùng với cha mẹ (Van Luot và cộng sự, 2018).

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi vẫn tương đồng với báo cáo trong một nghiên cứu về cảm nhận hạnh phúc của trẻ em bị bỏ lại ở Đông Nam Á trên 4 quốc gia là Indonesia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Nghiên cứu này không tìm thấy bằng chứng để khẳng định sự khác biệt về mức độ cảm nhận hạnh phúc giữa trẻ em có cha mẹ đi làm xa và trẻ em ở cùng cha mẹ tại Việt Nam (Graham và Jordan, 2011). Tương tự, tác giả Li và Zhang khi đánh giá về hạnh phúc nói chung của trẻ em ở độ tuổi học sinh phổ thông tại Trung Quốc có cha mẹ đi làm xa cho biết, hạnh phúc chu quan của các em thấp hơn một chút so với trẻ em không có cha mẹ đi làm xa nhưng sự khác biệt này là không đáng kể, không có ý nghĩa về mặt thống kê (Li và Zhang, 2007).

Các kết quả nghiên cứu mô tả cảm nhận hạnh phúc, hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa vẫn có những báo cáo trái chiều, có sự khác biệt giữa các quốc gia, các vùng miền. Kết quả tổng quan cho thấy ảnh hưởng của việc cha mẹ đi làm xa đến hạnh phúc của trẻ em không phải lúc nào cũng tiêu cực, mà thay đổi từ tiêu cực đến tích cực, tùy thuộc vào giới tính, độ tuổi của trẻ, ai là người đi làm xa (cha hay mẹ), chuẩn mực, đặc điểm gia đình, hoạt động chăm sóc của gia đình và yếu tố văn hóa (Antia và cộng sự, 2020). Do đó, việc nghiên cứu mô tả là chưa đủ mà cần những nghiên cứu so sánh, tương quan để xác định được những yếu tố có liên hệ với hạnh phúc tâm lý của các em, từ đó giải thích sâu sắc hơn sự khác biệt về hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở các vùng miền và quốc gia khác nhau.

4.1.2. So sánh mức độ hạnh phúc tâm lý ở các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa

Nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt và tương đồng trong cảm nhận hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa theo một số tiêu chí sau: giới tính của trẻ, độ tuổi của trẻ, thời gian trẻ xa cách cha mẹ, tần suất trẻ liên lạc với

cha mẹ, người đi làm xa trong gia đình trẻ. Kết quả nghiên cứu được thể hiện chi tiết ở bảng 2.

Bảng 2: So sánh về cảm nhận hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa (N = 439)

Tiêu chí	Phân loại	Hạnh phúc tâm lý	
		M (SD)	t/F, df, p
1. Giới tính	Nam	7.52 (1.77)	t(433) = 2.583; p = 0.01
	Nữ	7.07 (1.80)	
2. Tuổi	Từ 10 đến 12 tuổi	7.68 (1.51)	t(431) = 4.187; p < 0.001
	Từ 13 đến 17 tuổi	6.96 (1.99)	
3. Thời gian xa cách cha mẹ	Dưới 5 năm	7.54 (1.60)	t(360) = 2.860; p = 0.004
	Từ 5 năm trở lên	7.01 (1.87)	
4. Tần suất liên lạc với cha mẹ	Rất thường xuyên	7.55 (1.88)	t(433) = -3.094; p = 0.002
	Ít thường xuyên	7.02 (1.69)	
5. Người đi làm xa	Cha	7.43 (1.81)	F(2, 436) = 1.433; p = 0.240
	Mẹ	7.12 (1.62)	
	Cả cha và mẹ	7.15 (1.90)	

Ghi chú: M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa các nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa. Những trẻ nam đánh giá hạnh phúc tâm lý cao hơn so với trẻ nữ (điểm trung bình lần lượt là 7.52 và 7.07; $p < 0,05$). Nhóm trẻ có thời gian xa cách do cha mẹ đi làm xa hơn 5 năm trở lên có biểu hiện hạnh phúc tâm lý thấp hơn nhóm trẻ xa cách cha mẹ dưới 5 năm (điểm trung bình lần lượt là 7.01 và 7.54; $p < 0,001$). Nhóm trẻ từ 13 đến 17 tuổi báo cáo mức độ hạnh phúc tâm lý thấp hơn nhóm trẻ từ 10 đến 12 tuổi (điểm trung bình lần lượt là 6.96 và 7.68; $p < 0,001$). Những trẻ có tần suất liên lạc với cha mẹ hàng ngày có mức độ hạnh phúc tâm lý cao hơn những trẻ không liên hệ hàng ngày (từ vài lần/tuần đến ít hơn 1 tháng/ tuần), với điểm trung bình lần lượt là 7.5 và 7.0 ($p < 0,01$). Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt mức độ hạnh phúc tâm lý giữa nhóm trẻ chỉ có cha hay mẹ hoặc có cả cha và mẹ cùng đi làm xa ($p > 0,05$).

Một kết quả nghiên cứu của chúng tôi khá tương tự với một nghiên cứu trên trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở Trung Quốc, tác giả Li và Zhang (2007) cho thấy cảm nhận hạnh phúc nói chung của trẻ em gái thấp hơn đáng kể so với trẻ

em trai. Theo các tác giả, trẻ em gái ở tuổi vị thành niên với những thay đổi về tâm lý cần sự chỉ dẫn của người mẹ nhiều hơn so với trẻ em trai. Sự giám sát mức độ hạnh phúc của trẻ có liên quan đến sự thiếu hụt những tương tác cảm xúc, chăm sóc trực tiếp giữa cha mẹ và con cái. Khi những nhu cầu thông thường của con người trong cuộc sống không được thỏa mãn thì sẽ dẫn đến suy giảm mức độ hạnh phúc. Với trẻ em, cha mẹ là mối quan hệ gần gũi nhất nhưng các em này phải xa cha mẹ trong một thời gian dài, phải đối diện với sự thiếu vắng cuộc sống gia đình và điều đó trực tiếp dẫn đến sự suy giảm hạnh phúc của các em (Li và Zhang, 2017). Một số nghiên cứu khác cũng cho thấy cảm nhận hạnh phúc của trẻ em giảm dần theo sự gia tăng theo lứa tuổi (theo Van Luot và cộng sự, 2018).

So sánh với nghiên cứu đi trước của tác giả Nguyễn Văn Lược và cộng sự (2018), nghiên cứu này có một số tương đồng và khác biệt. Cả hai nghiên cứu đều cho thấy nhóm trẻ liên hệ với cha mẹ hàng ngày có cảm nhận hạnh phúc tâm lý cao hơn so với nhóm trẻ ít thường xuyên liên lạc. Nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa dưới 5 năm có cảm nhận hạnh phúc tâm lý cao hơn so với nhóm trẻ có cha mẹ đã đi làm xa 5 năm trở lên. Rõ ràng, những hình thức liên lạc hiện đại ngày nay thông qua máy tính, điện thoại di động giúp trẻ tương tác thuận lợi với cha mẹ của mình hơn rất nhiều. Phần lớn nhóm trẻ trong nghiên cứu này liên lạc với cha mẹ qua điện thoại, mạng xã hội. Hình thức liên lạc này giúp trẻ dễ dàng chia sẻ thông tin, tình cảm với cha mẹ, tạo nên sự gần gũi hơn giữa cha mẹ và con dù xa cách về địa lý. Những kết quả có ý nghĩa thống kê về sự khác biệt hạnh phúc tâm lý theo giới tính, độ tuổi của trẻ trong những nghiên cứu này không được báo cáo trong nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu đi trước xác nhận trẻ em có hạnh phúc tâm lý thấp hơn khi phải xa cả cha và mẹ so với nhóm trẻ chỉ xa cách cha hoặc mẹ - điều này không được tìm thấy trong nghiên cứu này của chúng tôi.

4.2. Mối liên hệ giữa hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa

Nghiên cứu tìm thấy mối tương quan thuận ở mức trung bình giữa hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội nói chung của trẻ em có cha mẹ đi làm xa ($r = 0.498$; $p < 0.01$). Mối tương quan thuận chiều cũng được tìm thấy với nhận thức về sự hỗ trợ từ gia đình ($r = 0.463$; $p < 0.01$); hỗ trợ từ bạn bè ($r = 0.356$; $p < 0.01$) và hỗ trợ từ người quan trọng khác ($r = 0.410$; $p < 0.01$). Như vậy, nếu các em nhận được càng nhiều sự hỗ trợ xã hội (từ gia đình, bạn bè và người quan trọng khác) thì cảm nhận hạnh phúc tâm lý của các em càng tăng cao.

Bảng 3: Tương quan giữa cảm nhận hạnh tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa

Biến số	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
(1) Hỗ trợ từ gia đình	1				
(2) Hỗ trợ từ bạn bè	0,516**	1			
(3) Hỗ trợ từ người quan trọng khác	0,519**	0,567**	1		
(4) Hỗ trợ xã hội nói chung	0,807**	0,827**	0,857**	1	
(5) Hạnh phúc tâm lý	0,463**	0,356**	0,410**	0,498**	1

Ghi chú: **: $p < 0,01$.

Để xác định rõ hơn mối liên hệ giữa hai biến số hạnh phúc tâm lý và nhận thức về sự hỗ trợ xã hội, nghiên cứu đã tiến hành bước phân tích hồi quy. Bước phân tích này nhằm xác định liệu có mối quan hệ nhân quả giữa hai biến số hay không? Nhận thức về sự hỗ trợ xã hội có thể dự báo sự thay đổi hạnh phúc tâm lý như thế nào? Mô hình phân tích hồi quy bằng phương pháp Enter với 3 biến độc lập, gồm trợ giúp từ gia đình, trợ giúp từ bạn bè và trợ giúp từ người đặc biệt và 1 biến phụ thuộc là hạnh phúc tâm lý cho kết quả như sau: 3 biến độc lập được đưa vào trong mô hình giải thích được 25% sự thay đổi của biến phụ thuộc (R^2 hiệu chỉnh = 0.250). Giá trị sig. của kiểm định F trong mô hình là 0,000 ($< 0,05$); hệ số VIF và Durbin - Watson nhỏ hơn 2. Các chỉ số cho thấy mô hình hồi quy được xây dựng phù hợp với tổng thể. Khi xem xét đồng thời 3 biến độc lập, biến số hỗ trợ từ bạn bè không còn ý nghĩa trong mô hình ($p > 0,05$). Hai biến số độc lập còn lại có ý nghĩa trong mô hình, có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc, trong đó biến hỗ trợ từ gia đình có mức độ dự báo mạnh hơn biến hỗ trợ từ người quan trọng khác (β lần lượt là 0,313 và 0,203; $p < 0,01$). Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức về sự hỗ trợ từ gia đình và từ người quan trọng khác có ảnh hưởng tích cực đến hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa, trong đó nhận thức về sự hỗ trợ từ gia đình có ảnh hưởng mạnh hơn.

Kết quả này tương đồng với kết quả của rất nhiều nghiên cứu trên thế giới khi chứng minh được mối tương quan thuận và mức độ dự báo của sự hỗ trợ xã hội tới hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa. So sánh với nghiên cứu của tác giả Lian và Chen và năm 2016 ở Trung Quốc (cũng sử dụng thang đo MSPSS), nhận thức về sự hỗ trợ xã hội dự báo sự thay đổi hạnh phúc tâm lý ở trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở Việt Nam cao hơn ở Trung Quốc, với tỷ lệ lần lượt là 25% và 13,7% (Lian và Chen, 2016). Với trẻ em ở tuổi

thiếu niên, gia đình vẫn là mối quan hệ gần gũi nhất, do đó cũng dễ hiểu khi sự hỗ trợ xã hội từ gia đình có ảnh hưởng nhiều nhất đến hạnh phúc tâm lý.

Bảng 4: Phân tích hồi quy tác động của nhận thức về sự hỗ trợ xã hội đến hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	p
	B	SE	Beta		
Hằng số	3,762	0,311		12,098	< 0,001
Hỗ trợ từ gia đình	0,382	0,063	0,313	6,007	< 0,001
Hỗ trợ từ bạn bè	0,097	0,065	0,079	1,438	0,138
Hỗ trợ từ người quan trọng khác	0,210	0,055	0,203	3,788	< 0,001
$F = 48,743$					
$R = 0,505$					
$R^2 = 0,255$					
$\Delta R^2 = 0,250$					

Ghi chú: Biến phụ thuộc - Hạnh phúc tâm lý; Durbin - Watson = 1,723.

Theo nhiều nghiên cứu, các nguồn hỗ trợ xã hội bao vệ các em khỏi những căng thẳng và áp lực trong cuộc sống, từ đó nâng cao hạnh phúc tinh thần (Cohen và Wills, 1985). Nguồn hỗ trợ xã hội cũng giúp trẻ em củng cố sự tự tin, thiết lập mạng lưới xã hội tích cực, cung cấp nhiều hơn sự trợ giúp tới trẻ, góp phần thỏa mãn những nhu cầu và giảm nhẹ căng thẳng tâm lý cho trẻ (Albin và cộng sự 2013; Botezat và Pfeiffer, 2014). Một môi trường gia đình hỗ trợ (Newland, 2015; Zhao và cộng sự, 2015) hay sự quan tâm nồng nhiệt của giáo viên (Pitzer và Skinner, 2017) và sự giúp đỡ của hàng xóm (Townshend và cộng sự, 2015) là những nguồn hỗ trợ xã hội có thể giúp trẻ em có cha mẹ đi làm xa nâng cao khả năng phục hồi để vượt qua những trải nghiệm căng thẳng. Theo tác gia Pu (2006), sự hỗ trợ xã hội tốt có tương quan tích cực với hạnh phúc, sự hài lòng với cuộc sống, cam xúc tích cực và giúp giảm cam xúc tiêu cực. Sự hỗ trợ xã hội cung cấp sự trợ giúp thực chất giúp gia tăng niềm vui cuộc sống, tăng cảm giác thuộc về, sự tự đánh giá, sự tự tin. Khi cá nhân phải đối mặt với sự kiện gây căng thẳng, sự hỗ trợ xã hội ngăn chặn hoặc giảm bớt những phản ứng căng thẳng, gia tăng những hành vi lành mạnh; từ đó phát triển cảm xúc tích cực, giảm cảm xúc tiêu cực và việc suy giảm sút cảm nhận hạnh phúc được ngăn chặn (Pu, 2006). Có thể thấy, khi trẻ được gia đình hay

một người đặc biệt nào đó hỗ trợ trong cuộc sống thì các em sẽ tự tin vượt qua khó khăn, giảm bớt căng thẳng, từ đó hạnh phúc tâm lý được nâng cao, gia tăng sự hài lòng với cuộc sống.

Nhận thức về sự hỗ trợ từ gia đình trong nghiên cứu này đề cập phần lớn đến đánh giá của các em về nguồn hỗ trợ tinh thần, các em cảm nhận được gia đình luôn ủng hộ mình về mặt tinh thần, luôn sẵn sàng, cố gắng giúp đỡ các em khi cần, là nơi các em chia sẻ những vấn đề khó khăn của mình. Khi so sánh với nhóm trẻ ở cùng cha mẹ trong nghiên cứu này, chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt trong nhận thức về nguồn hỗ trợ xã hội nói chung và từ gia đình nói riêng giữa hai nhóm trẻ ($p > 0.05$). Điều này gợi ý rằng, dù các em có cha mẹ đi làm xa nhưng các em vẫn cảm nhận được sự hỗ trợ tinh thần từ cha mẹ. Việc thường xuyên trao đổi, tương tác với cha mẹ qua điện thoại hay mạng xã hội có thể chính là một cách để trẻ và cha mẹ duy trì mối quan hệ thân tình, tương hỗ. Cụ thể, trong nghiên cứu có 48,6% trẻ em liên lạc hàng ngày với cha mẹ và 34,2% liên lạc vài lần một tuần. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy trẻ em ở cùng với mẹ (cha đi làm xa) và ở cùng cha (mẹ đi làm xa) cảm nhận được sự hỗ trợ từ gia đình nhiều hơn trẻ không ở cùng cha mẹ (ở với người chăm sóc) (điểm trung bình lần lượt là 5,5; 5,4 và 5,0; $p < 0,05$). Cụ thể, trong nghiên cứu có 68,8% trẻ em chỉ có một người trong gia đình là cha hoặc mẹ đi làm xa. Như vậy, phần lớn khách thể trong nghiên cứu chỉ rời xa cha hoặc mẹ, các em vẫn nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ người ở cùng. Việc tương tác với cha/mẹ đi làm xa lại có tần suất diễn ra thường xuyên ở đa số khách thể. Và tất nhiên, nguồn hỗ trợ xã hội này có tác động tích cực đến hạnh phúc tâm lý của các em, khiến các em cũng có những cảm nhận hạnh phúc tâm lý không khác biệt so với nhóm trẻ ở cùng cha mẹ trong nghiên cứu.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra được thực trạng mức độ hạnh phúc tâm lý của trẻ em có cha mẹ đi làm xa tại 4 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Thái Bình và Nghệ An của Việt Nam. Mức độ hạnh phúc tâm lý của các em không có sự khác biệt với những trẻ ở cùng với cha mẹ. Trong nhóm trẻ có cha mẹ đi làm xa thì trẻ trai có cảm nhận hạnh phúc tâm lý cao hơn trẻ gái, những trẻ nhỏ tuổi hơn cảm nhận hạnh phúc tâm lý cao hơn trẻ lớn tuổi, những trẻ có thời gian xa cách cha mẹ ít hơn và liên lạc hàng ngày với cha mẹ đánh giá hạnh phúc tâm lý cao hơn trẻ có thời gian xa cách cha mẹ lâu hơn và ít thường xuyên liên lạc. Hơn nữa, nhận thức về sự hỗ trợ xã hội có mối tương quan thuận với hạnh phúc tâm lý của trẻ. Nhận thức về sự hỗ trợ từ gia đình và từ người quan trọng khác có tác động tích cực đến hạnh phúc tâm lý của trẻ, trong đó sự hỗ trợ từ gia đình có ảnh hưởng mạnh nhất. Nói cách khác, sự hỗ trợ xã hội, nhất là gia

đình chính là một yếu tố bảo vệ, giúp nâng cao hạnh phúc tâm lý cho trẻ em có cha mẹ đi làm xa. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới chỉ tiến hành khảo sát tại các tỉnh thành phía Bắc của Việt Nam, trong khi đó, số lượng người lao động đi làm xa ở các tỉnh miền Nam rất đông, các nghiên cứu về trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở khu vực này cũng chưa được tiến hành. Do đó, kết quả chưa đủ để khẳng định một cách toàn diện về thực trạng vấn đề này ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu về sự hỗ trợ xã hội sẽ trở nên khách quan hơn khi có thêm những thông tin đánh giá từ chính gia đình, bạn bè hay người quan trọng khác của trẻ. Hơn nữa, trẻ em có cha mẹ đi làm xa ở nước ta thường sống cùng ông bà hoặc họ hàng, do đó vai trò của người chăm sóc trực tiếp này có thể là một yếu tố quan trọng góp phần vào hạnh phúc tâm lý của các em. Vì vậy, những nghiên cứu tiếp theo có thể khai thác thêm ảnh hưởng của người chăm sóc trực tiếp đến hạnh phúc của trẻ em có cha mẹ đi làm xa hiện nay.

Lời cảm ơn:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài: *Những vấn đề tâm lý - xã hội của trẻ em có cha mẹ đi làm xa: Thực trạng và các giải pháp trợ giúp đối với trẻ em*; Mã số: 501.01-2019.300; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì; PGS.TS. Nguyễn Văn Lược làm chủ nhiệm đề tài.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Ngọc Bình (2012). *Vấn đề luật, chính sách và thực tiễn của phụ nữ đi lao động ngoài nước nhìn từ góc độ quyền và giới*. Tr. 71 - 100. Trong sách Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên). *Giới và di dân: tầm nhìn châu Á*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cục Lao động quản lý lao động nước ngoài. <http://www.dolab.gov.vn/New/View2.aspx?Key=4202>. Truy cập ngày 20/2/2019.
3. Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (Chủ biên, 2011). *Từ nông thôn ra thành phố: tác động kinh tế - xã hội của di cư ở Việt Nam*. NXB Lao động. Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Lược (2016). *Tâm trạng, lòng tự trọng và sự hài lòng với học tập, cuộc sống của trẻ em nông thôn có bố mẹ đi làm xa*. Tạp chí Tâm lý học xã hội. Số 8. Tr. 43 - 51.
5. Giang Thị Thanh Mai, Nguyễn Văn Lược, Phạm Văn Huệ (2019). *Kỹ năng xã hội của trẻ em nông thôn có cha mẹ đi làm xa*. Tạp chí Tâm lý học xã hội. Số 5. Tr. 12 - 20.

6. Nicola Piper (2012). *Giới và di cư ở Đông Nam Á*. Tr. 32 - 51. Trong sách Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên). *Giới và di dân: tầm nhìn châu Á*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trần Thị Minh Thi (2015). *Cuộc sống của trẻ em ở lại thôn quê Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. Số 4. Tr. 61 - 68.
8. Hoàng Bá Thịnh (2012). *Vấn đề giới và nghiên cứu di cư ở Việt Nam: một phân tích tổng quan*. Tr. 12 - 31. Trong sách Nguyễn Thị Hồng Xoan (Chủ biên). *Giới và di dân: tầm nhìn châu Á*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Tập 2. NXB Hồng Đức. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

10. Albin B., Qin J. and Hong Z. (2013). *Mental health in the left-behind children in the Fujian province of China*. Journal of Public Mental Health. Vol. 12 (1). P. 21 - 31.
11. Antia K., Boucsein J., Deckert A., Dambach P., Račaitė J., Šurkienė G.,... and Winkler V. (2020). *Effects of international labour migration on the mental health and well-being of left-behind children: A systematic literature review*. International Journal of Environmental Research and Public Health. Vol. 17 (12). 4335.
12. Botezat A. and Pfeiffer F. (2014). *The impact of parent migration on the well-being of children left-behind: Initial evidence from romania*. Zew Discussion Papers. Vol. 8.225. P. 1 - 23.
13. Chen J. and Li H. (2007). *An investigation on the current situation of college students' comprehension of social*. Study Monthly. Iss. 9. P. 92 - 93.
14. Chu P.S., Saucier D.A. and Hafner E. (2010). *Meta-analysis of the relationships between social support and well-being in children and adolescents*. Journal of Social and Clinical Psychology. Vol. 29 (6). P. 624 - 645.
15. Cobb S. (1976). *Social support as a moderator of life stress*. Psychosom Med. Vol. 38. P. 300 - 314.
16. Cohen S. (2004). *Social relationships and health*. American Psychologist. Vol. 59. P. 676 - 684.
17. Cohen S. and Wills T.A. (1985). *Stress, social support, and the buffering hypothesis*. Psychological Bulletin. Vol. 98 (2). P. 310.
18. Danielsen A.G., Samdal O., Hetland J. and Wold B. (2009). *School-related social support and students' perceived life satisfaction*. Journal of Educational Research. Vol. 102 (4). P. 303 - 320.

19. Graham E. and Jordan L.P. (2011). *Migrant parents and the psychological well-being of left-behind children in Southeast Asia*. Journal of Marriage and Family. Vol. 73 (4). P. 763 - 787.
20. Jia Zhou, Fang H.U., Jing W.U., Zou Z.Y., Wang Y.X., Peng H.C..... and Hua Y. (2018). *Subjective well-being and family functioning among adolescents left-behind by migrating parents in Jiangxi Province, China*. Biomedical and Environmental Sciences. Vol. 31 (5). P. 382 - 388.
21. Jia Z., Shi L., Cao Y., Delancey J. and Tian W. (2010). *Health-related quality of life of "left-behind children": A cross-sectional survey in rural China*. Quality of Life Research. Vol. 19 (6). P. 775 - 780.
22. Keyes C.L.M. (2002). *The mental health continuum: From languishing to flourishing in life*. Journal of Health and Social Behavior. Vol. 43. P. 207 - 222.
23. Kim D.H. and Kim J.H. (2013). *Social relations and school life satisfaction in South Korea*. Social Indicators Research. Vol. 112 (1). P. 105 - 127.
24. Lakey B. and Orehek E. (2011). *Relational regulation theory: A new approach to explain the link between perceived social support and mental health*. Psychological Review. Vol. 118 (3). P. 482 - 495.
25. Li N. and Zhang L.Y. (2007). *Study on the key problems and countermeasures of the left-behind children*. Contemporary Youth Research. Iss. 16. P. 88 - 92.
26. Lin Q.G., Huang G.H., Bass B., Nie, X.H., Zhang X.D. and Qin X.S. (2010). *EMDSS: An optimization-based decision support system for energy systems management under changing climate conditions - An application to the Toronto - Niagara Region, Canada*. Expert Systems with Applications. Vol. 37 (7). 5.040 - 5.051.
27. Lu W. (2011). *Left-behind children in rural China: Research based on the use of qualitative methods in Inner Mongolia*. Doctor of Philosophy. Department of Social Policy and Social Work. University of York.
28. Luo J., Wang W. and Gao W. (2009). *Review of the studies on rural left-behind children in China*. Advances in Psychological Science. Vol. 7. P. 990 - 995.
29. Mai G.T.T., Beazley H. and Dat N.B. (2019). *Self-esteem among "Left-behind children" of labor migrant parents in rural Northern Vietnam*. VNU Journal of Social Sciences and Humanities. Vol. 5 (5). P. 597 - 618.
30. Malecki C.K. and Demaray M.K. (2003). *What type of support do they need? investigating student adjustment as related to emotional, informational, appraisal, and instrumental support*. School Psychology Quarterly. Vol. 18 (3). P. 231 - 252.

31. Newland L.A. (2015). *Family well-being, parenting, and child well-being: Pathways to healthy adjustment*. Clinical Psychologist. Vol. 19 (1). P. 3 - 14.
32. Pitzer J. and Skinner E. (2017). *Predictors of changes in students' motivational resilience over the school year: The roles of teacher support, self-appraisals, and emotional reactivity*. International Journal of Behavioral Development. Vol. 41 (1). P. 15 - 29.
33. Pu L. (2006). *The relationship between subjective well-being and social support of impoverished college students and the practice*. Hohai University. Iss. 12. P. 11 - 12.
34. Ren Q. and Treiman D.J. (2016). *The consequences of parental labor migration in China for children's emotional wellbeing*. Social Science Research. Vol. 58. P. 46 -67.
35. Ryff C.D. (1989). *Happiness is everything, or is it? Explorations on the meaning of psychological well-being*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 57 (6). 1069.
36. Ryff C.D. and Keyes C.L.M. (1995). *The structure of psychological well-being revisited*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 69 (4). P. 719 - 727.
37. Shumaker S.A. and Brownell A. (1984). *Toward a theory of social support: Closing conceptual gaps*. Journal of Social Issues. Vol. 40. P. 11 - 36.
38. Stewart T. and Suldo S. (2011). *Relationships between social support sources and early adolescents' mental health: The moderating effect of student achievement level*. Psychology in the Schools. Vol. 48 (10). P. 1.016 - 1.033.
39. Su S., Li X., Lin D. and Zhu M. (2017). *Future orientation, social support, and psychological adjustment among left-behind children in rural China: A longitudinal study*. Frontiers in Psychology. Vol. 8. 1309.
40. Su S., Li X., Lin D., Xu X. and Zhu M. (2013). *Psychological adjustment among left-behind children in rural China: the role of parental migration and parent-child communication*. Child: Care, Health and Development. Vol. 39 (2). P. 162 - 170.
41. Taylor S.E., Sherman D.K., Kim H.S., Jarcho J., Takagi K. and Dunagan M.S. (2004). *Culture and social support: Who seeks it and why?*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 87. P. 354 - 362.
42. Townshend I., Awosoga O., Kulig J. and Fan H. (2015). *Social cohesion and resilience across communities that have experienced a disaster*. Natural Hazards. Vol. 76 (2). P. 913 - 938.

43. Van Luot N. and Dat N.B. (2017). *The psychological well-being among left-behind children of labor migrant parents in rural Northern Vietnam*. Open Journal of Social Sciences. Vol. 5 (6). P. 188 - 201.
44. Van Luot N., Dat N.B. and Lam T.Q. (2018). *Subjective well-being among "Left-behind Children" of labour migrant parents in rural Northern Vietnam*. Pertanika Journal of Social Sciences & Humanities. Vol. 26 (3). P. 1.529 - 1.545.
45. Weili Lian and Xu Chen (2016). *Research on the relationship between perceived social support and subjective well-being of left-behind children*. Cross-Cultural Communication. Vol. 12 (5). P. 1 - 8.
46. Wen M. and Lin D. (2012). *Child development in rural China: Children left-behind by their migrant parents and children of non-migrant families*. Child Development. Vol. 83 (1). P. 120 - 136.
47. Xiao Z. (2005). *Investigation and analysis on mental health of college students*. Journal of Liaoning Normal University: Natural Science Edition. Iss. 1. P.115 - 118.
48. Xing H., Yu W., Xu F. and Chen S. (2017). *Influence of social support and rearing behavior on psychosocial health in left-behind children*. Health & Quality of Life Outcomes. Vol. 15 (1). P. 13 - 19.
49. Zhao J., Liu X. and Wang M. (2015). *Parent-child cohesion, friend companionship and left-behind children's emotional adaptation in rural China*. Child Abuse & Neglect. Vol. 48. P. 190 - 199.
50. Zhou M. and Lin W. (2016). *Adaptability and life satisfaction: The moderating role of social support*. Frontiers in Psychology. Vol. 7. P. 1.134 - 1.141.
51. Zimet G.D., Dahlem N.W., Zimet S.G. and Farley G.K. (1988). *The multidimensional scale of perceived social support*. Journal of Personality Assessment. Vol. 52. P. 30 - 41.